UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ NGỌK TỤ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 185/BC-UBND	*Ngọk Tụ, ngày 13 tháng 6 năm 2024*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2024 và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2024

A/ Tình hình thực hiện thu , chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2024

I. Thu ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2024

Tổng dự toán thu ngân sách xã năm 2024 dự toán giao: 5.827.370.000 đồng; thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 là: 3.075.746.460 đồng, đạt 52,78% so với dự toán huyện giao, cụ thể như sau:

- Thu trên địa bàn xã dự toán giao: 59.500.000 đồng; thực hiện 6 tháng đầu năm 2024: 16.640.543 đồng, đạt 27,97% so với dự toán huyện giao.

- Nguồn năm trước chuyển sang thực hiện: 347.685.917 đồng.

- Thu bổ sung ngân sách cấp trên dự toán giao: 5.767.870.000 đồng, thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 là: 2.711.420.000 đồng, đạt 47, 01% so với dự toán huyện giao.

(Có phụ lục 01 kèm theo)

Nhìn chung tiến độ thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 đảm bảo theo kế hoạch đề ra phần lớn do thu từ nguồn thuế môn bài, lệ phí trước bạ nhà đất. Tuy nhiên có một số loại thuế thu chưa đạt so với dự toán giao như phí, lệ phí. Nguyên nhân chính là do phụ thuộc vào lượng người dân đến giao dịch làm các thủ tục như chuyển nhượng đất, công chứng, chứng thực, khai sinh, khai tử...6 tháng đầu năm 2024 nguồn thu trên chưa đạt so với dự toán được giao.

2. Chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2024.

Tổng chi ngân sách xã năm 2024 dự toán giao: 5.827.370.000 đồng, thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 là: 2.675.367.483 đồng, đạt 45,91% so với dự toán huyện giao, cụ thể như sau:

+ Chi đầu tư phát triển dự toán giao: 500.000 đồng (Chưa thực hiện).

+ Chi thường xuyên ngân sách xã năm 2024 dự toán giao: 5.653.480.000 đồng, thực hiện 6 tháng đầu năm 2024 là: 2.675.367.483 đồng, đạt 47,32% so với dự toán huyện giao.

+ Dự phòng năm 2023 là: 98.390.000 đồng.(Chưa thực hiện)

(Có phụ lục 02 kèm theo)

Việc triển khai thực hiện dự toán chi ngân sách trên địa bàn xã thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra và đảm bảo chi đúng, chi đủ các khoản theo quy định của nhà nước, trong đó UBND xã tập trung ưu tiên chi cho con người như

lương, các khoản phụ cấp theo lương cho các cán bộ, công chức và người hưởng phụ cấp từ ngân sách, giải quyết kịp thời công tác an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, hoạt động thường xuyên cho các ban ngành và đoàn thể xã.

B. Nhiệm vụ và giải pháp ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2024.

I. Nhiệm vụ ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2024.

1. Dự toán thu ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2024.

- Phấn đấu thu ngân sách xã 06 tháng cuối năm 2024 đạt 3.098.808.457 đồng.

Trong đó : + Thu trên địa bàn xã đạt 42.359.457 đồng.

+ Thu bổ sung ngân sách cấp trên đạt 3.056.450.000 đồng.

- Trường hợp nguồn thu ngân sách trên địa bàn không đạt so với dự toán huyện giao, Uỷ ban nhân dân xã xem xét, sắp xếp cắt giảm các khoản chi tương ứng với số kinh phí bị hụt thu hoặc sử dụng nguồn kinh phí dự phòng ngân sách xã.

2. Dự toán chi ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2024.

- Tổng chi ngân sách xã : 3.152.002.517 đồng

Trong đó : - Chi đầu tư phát triển: 500.000 đồng

- Chi thường xuyên : 2.978.112.517 đồng

- Dự phòng : 98.390.000 đồng

- Đối ứng chương trình MTQG XDNTM: 75.000.000 đồng

II. Giải pháp ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2024.

1. Thu ngân sách xã:

Uỷ ban nhân dân xã cử cán bộ, công chức trong đội thuế tăng cường phối hợp với cơ quan thuế trong công tác thu thuế, xử lý nợ đọng về thuế, chống thất thu thuế, tăng cường kiểm tra các cơ sở, hộ kinh doanh mới phát sinh trên địa bàn về việc kê khai thuế nhằm quản lý chặt chẽ các nguồn thu thuế.

Thường xuyên chỉ đạo bộ phận một cửa thu đúng, thu đủ các khoản thu theo quy định và nộp kịp thời vào ngân sách nhà nước.

2. Chi ngân sách xã:

Không chi các khoản chi phát sinh ngoài dự toán được duyệt, căn cứ dự toán kinh phí được giao năm 2024 các ban ngành xã tự cân đối để thực hiện các nhiệm trong 6 tháng cuối năm 2024 theo đúng quy định và đảm bảo tiết kiệm.

Uỷ ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện tốt dự toán ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2024 theo đúng Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn đảm bảo thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

Sử dụng nguồn dự phòng ngân sách xã đúng mục đích, đúng quy định theo Luật ngân sách nhà nước.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2024; nhiệm vụ, giải pháp ngân sách xã 6 tháng cuối năm 2024 trình tại kỳ họp thứ 8 HĐND xã khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026./.

Nơi nhận:
- UBND huyện (b/c);
- Phòng TCKH huyện;
- TT Đảng ủy xã (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- Tổ ĐB HĐND huyện ứng cử trên địa bàn xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các ĐB HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu: VP-VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Thuận

Phụ lục: 01

THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 VÀ NHIỆM VỤ THU 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

(Kèm theo báo cáo số 185/BC-UBND, ngày 13/6/2024 của UBND xã Ngọk Tụ)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Đạt tỷ lệ %	Nhiệm vụ thực hiện 6 tháng cuối năm
A.Thu trên địa bàn	**59.500.000**	**16.640.543**	**27,97**	**42.359.457**
I.Các khoản thu hưởng 10%	**43.000.000**	**7.400.000**	**17,21**	**35.600.000**
1.Thu lệ phí môn bài	12.000.000	7.100.000	59,17	4.900.000
2.Thu phí, lệ phí	31.000.000	300.000	0,97	30.700.000
- Lệ phí hộ tịch		*12.000*		
- Phí chứng thực		*288.000*		
3.Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-		-	
4.Thu kết dư ngân sách	-		-	
II.Các khoản thu hưởng phân chia theo tỷ lệ %	**16.500.000**	**9.240.543**	**56,00**	**6.759.457**
1.Thu tiền sử dụng đất	500.000		-	
2.Thu lệ phí trước bạ nhà đất 70%	16.000.000	9.240.543	57,75	6.759.457
III.Thu chuyển nguồn	-	**347.685.917**	-	
B.Thu bổ sung ngân sách	**5.767.870.000**	**2.711.420.000**	**47,01**	**3.056.450.000**
Thu bổ sung cân đối ngân sách	5.536.970.000	2.670.470.000	48,23	2.866.500.000
Thu bổ sung có mục tiêu	230.900.000	40.950.000	17,73	189.950.000
Tổng thu	**5.827.370.000**	**3.075.746.460**	**49,45**	**3.098.809.457**

Phụ lục : 02

CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ NHIỆM VỤ CHI 6 THÁNG CUỐI 2024

(Kèm theo báo cáo số 185 /BC-UBND, ngày 13 /6/2024 của UBND xã Ngọk Tụ)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm	Đạt tỷ lệ %	Nhiệm vụ thực hiện 6 tháng cuối năm
A	**Chi cân đối ngân sách**	**5.653.980.000**	**2.675.367.483**	**47,3**	**2.978.612.517**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**500.000**	**-**	**0,00**	**500.000**
1	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	500.000	-	0,00	500.000
II	**Chi thường xuyên**	**5.653.480.000**	**2.675.367.483**	**47,32**	**2.978.112.517**
1	**Chi sự nghiệp giáo dục**	**27.000.000**	**-**	**0,00**	**27.000.000**
1.1	Chi trung tâm giáo dục cộng đồng	27.000.000	-	0,00	27.000.000
2	**Chi sự nghiệp y tế**	**68.000.000**	**28.188.000**	**41,45**	**39.812.000**
2.1	Mua bảo hiểm y tế cho đối tượng BTXH 4,5%	68.000.000	28.188.000	41,45	39.812.000
3	**Chi sự nghiệp môi trường**	**18.000.000**	**-**	**0,00**	**18.000.000**
3.1	Kinh phí thực hiện đề án (6 tổ * 2.000.000 đ/tổ)	12.000.000	-	-	12.000.000
3.2	Kinh phí tuyên truyền bảo vệ môi trường	6.000.000	-	-	6.000.000
4	**Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin**	**9.000.000**	**3.792.800**	**42,14**	**5.207.200**
4.1	Chi sự nghiệp văn hóa	9.000.000	3.792.800	42,14	5.207.200
5	**Sự nghiệp thể dục thể thao**	**9.000.000**	**-**	**-**	**9.000.000**
6	**Sự nghiệp phát thanh truyền hình**	**31.500.000**	**6.000.000**	**19,05**	**25.500.000**
6.1	Tiền công vận hành hệ thống loa	12.000.000	6.000.000	50,00	6.000.000
6.2	Sửa chữa thường xuyên	19.500.000	-	-	19.500.000
7	**Chi hoạt động kinh tế**	**106.700.000**	**10.500.000**	**9,84**	**96.200.000**
7.1	Chi hỗ trợ đất trồng lúa	84.200.000	-	-	84.200.000

7.2	Kinh phí phòng chống dịch	22.500.000	10.500.000	46,67	12.000.000
8	**Sự nghiệp xã hội**	**55.100.000**	**44.080.000**	**80,00**	**11.020.000**
8.1	Chi hoạt động tăng thêm theo NĐ 136	18.000.000	6.980.000	38,78	11.020.000
8.2	Hỗ trợ thôn làng đón tết	18.000.000	18.000.000	100,00	-
8.3	Chúc thọ, mừng thọ	19.100.000	19.100.000	100,00	-
9	**Chi quản lý nhà nước, đảng đoàn thể**	**5.329.180.000**	**2.582.806.683**	**48,47**	**2.746.373.317**
9.1	Hội đồng nhân dân	354.185.000	167.895.080	47,40	186.289.920
9.2	Ủy ban nhân dân	2.355.212.000	1.097.663.955	46,61	1.257.548.045
9.3	Đảng ủy	816.026.000	379.456.638	46,50	436.569.362
9.4	Mặt trận tổ quốc Việt Nam	407.791.000	191.573.906	46,98	216.217.094
9.5	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	231.061.000	109.687.520	47,47	121.373.480
9.6	Hội liên hiệp Phụ nữ	181.018.000	91.918.320	50,78	89.099.680
9.7	Hội nông dân Việt Nam	180.591.000	84.397.162	46,73	96.193.838
9.8	Hội cựu chiến binh	157.155.000	77.671.560	49,42	79.483.440
9.9	Hội người cao tuổi	32.240.000	15.764.800	48,90	16.475.200
9.10	Dân quân tự vệ	508.281.000	309.916.606	60,97	198.364.394
9.11	An ninh trật tự	105.620.000	56.861.136	53,84	48.758.864
B	**Đối ứng thực hiện CTMTQG XDNTM**	**75.000.000**			**75.000.000**
C	**Dự phòng**	**98.390.000**			**98.390.000**
	Tổng cộng	**5.827.370.000**	**2.675.367.483**	**45,91**	**3.152.002.517**